



CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC - DƯỚI GÓC NHÌN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI BỀN VỮNG

TÔ HUY RỬA *

CỔ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một trong những hướng quan trọng của quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước - bộ phận không thể thiếu trong thành phần kinh tế nhà nước. Trong đổi mới kinh tế, một vấn đề lớn được đặt ra là phải phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất. Để giải phóng lực lượng sản xuất, tất yếu phải phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường và xây dựng thể chế kinh tế thị trường, đa dạng hóa các hình thức sở hữu, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Muốn vậy, phải đổi mới mạnh mẽ các doanh nghiệp nhà nước. Theo hướng đó, sau nhiều năm tìm tòi và thử nghiệm trong thực tế, Đảng ta đã lựa chọn *cổ phần hóa như một phương thức có hiệu quả để đổi mới các doanh nghiệp nhà nước* như các Nghị quyết 3 và Nghị quyết 9 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã chỉ rõ.

Cho đến nay, với sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và tinh thần chủ động trong thực hiện của các cấp, các ngành, từ trung ương

tới địa phương, tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã thu được những thành tựu bước đầu đáng khích lệ, đủ để chúng minh tính đúng đắn của sự lựa chọn đó. Tuy nhiên, trong xã hội cũng như trong tư tưởng, nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn có những băn khoăn, lo lắng. Dựa vào những khiếm khuyết thực tế ở một số doanh nghiệp đã cổ phần hóa, có ý kiến lo lắng rằng, đó là cơ hội cho tình trạng chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, là một hình thức tránh né thuật ngữ "*tu nhân hóa*", là sự thủ tiêu hoặc làm suy yếu vai trò điều tiết nền kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,...

Về cơ bản, đó là những suy nghĩ thật tâm của những người đã từng gắn bó rất lâu với mô hình kinh tế cũ, bởi quan điểm cho rằng "càng nhiều quốc doanh thì càng nhiều chủ nghĩa xã hội".

Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cho tới nay đã thực sự trở thành một trong những thách thức phải vượt qua, trên con đường tiếp tục đổi mới kinh tế, xây dựng

* PGS, TS.

và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Không vượt qua được thách thức này là rất nguy hại cho chính thành phần kinh tế nhà nước nói riêng và cho cả nền kinh tế quốc dân nói chung.

Theo số liệu của các cơ quan hữu quan, đến cuối năm 2005, có 5.000 doanh nghiệp nhà nước ở nước ta, tạo ra khoảng 30% GDP và 15% việc làm phi nông nghiệp, nhưng lại chiếm gần 50% tổng số dư nợ tín dụng của các ngân hàng trong nước. Xét về hiệu quả kinh tế - xã hội, đây thực sự là vấn đề đáng lưu ý. Tỷ lệ nợ xấu của khu vực này *lại đang có chiều hướng gia tăng* (8 tháng đầu năm 2005 là 3,08% so với cùng kỳ năm 2004 là 2,41% và năm 2003 là 2,72%)⁽¹⁾. Những vướng mắc từ việc thu hồi nợ đối với doanh nghiệp nhà nước là một bài toán rất nan giải trong suốt thời kỳ đổi mới. Điều đáng lưu ý là, nhóm doanh nghiệp nhà nước *"hoạt động yếu kém nhất"* theo phân loại dựa trên mức lợi nhuận và mức nợ lại bao gồm tất cả các loại hình doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ. Rõ ràng là, *quy mô không phải là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực trạng như trên của doanh nghiệp nhà nước.*

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, vấn đề có ý nghĩa quyết định là *phát triển kinh tế - xã hội bền vững*. Bài học của các nền kinh tế phát triển nhanh nhưng không bền vững là hết sức rõ ràng và cần xem xét một cách nghiêm túc. Nếu phát triển nhanh trong một vài thập niên như các "con rồng", "con hổ" châu Á, để rồi phải gánh chịu khủng hoảng tài chính như năm 1997, chấp nhận các điều kiện của IMF làm một lối thoát duy nhất là rất nguy hiểm. Tư nhân hóa ồ ạt để được công nhận là một nền kinh tế thị trường như các nước Đông Âu và SNG, cũng

có nghĩa là chấp nhận một giai đoạn đổ vỡ về kinh tế và xã hội, chấp nhận một đa số nghèo đi để có một thiểu số giàu lên rất nhanh đến mức có đại diện trong số vài chục người giàu nhất thế giới. Nước Nga vào cuối năm 2005, với 2% số người giàu nhất chiếm 30% của cải xã hội, còn 10% dân số nghèo nhất chỉ có 2,4% của cải và qua thăm dò dư luận có 74% người dân tiếc nuối về Liên bang Xô-viết⁽²⁾. Trung Quốc trong tiến trình cải cách và mở cửa, nhất là trong cải cách kinh tế, xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, đã chú ý thử nghiệm chế độ cổ phần và có những tìm tòi lý luận về vấn đề này đáng để chúng ta tham khảo.

Trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa ở hầu hết các nước, tăng trưởng GDP thường được coi là nhu cầu cấp bách, là ưu tiên số một trong chiến lược phát triển, nhưng về lâu dài người ta càng thấy rõ nó không phải là duy nhất của sự phát triển. Càng ngày nhân loại càng ý thức được một cách rõ ràng hơn tầm quan trọng sống còn của sự phát triển bền vững cả về kinh tế và xã hội. Thực tiễn thế giới cho thấy, chất lượng sống cao nhất không phải là ở những quốc gia giàu có nhất theo mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa triệt để nhất. Nhiều công trình nghiên cứu từ những góc độ khác nhau về thực tiễn đều có chung một kết luận rằng, *loại hình sở hữu hỗn hợp dưới hình thức phổ biến là các doanh nghiệp cổ phần, có sức cạnh tranh cao nhất và tạo nên chất lượng tăng trưởng tốt nhất.*

Không phải ngẫu nhiên các nhà cải cách Trung Quốc đề xuất chế độ cổ phần là

(1) Nguồn: Ban đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ và một số tin của *Thời báo Ngân hàng*, quý 4-2005

(2) Báo: *"Độc lập"* (Nga), ngày 25-12-2005

hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu.

Việc cổ phần hóa phần lớn các doanh nghiệp nhà nước mà chúng ta đang nỗ lực thực hiện, cũng chính là xác lập chế độ cổ phần trong kinh tế nhà nước, nhằm đa dạng hóa các hình thức sở hữu, thực chất là phát triển hình thức sở hữu hỗn hợp để từng bước làm tăng thực lực kinh tế của chế độ sở hữu công cộng toàn dân.

Xét về mặt lịch sử và lý luận, chế độ cổ phần (biểu hiện thành giải pháp kinh tế là cổ phần hóa doanh nghiệp) đã ra đời trong quá trình phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa từ mấy thế kỷ trước đây. Do sản xuất - kinh doanh càng phát triển, nên yêu cầu tập trung và tích tụ vốn càng cao. Cổ phần hóa đáp ứng yêu cầu đó. Nó chính là hình thức hùn vốn trong sản xuất, kinh doanh, trong đó những ai tham gia vào quá trình này sẽ được hưởng lợi (hoặc chịu rủi ro), theo tỷ lệ đóng góp cổ phần. Công ty Đông Ấn Độ của Anh trong thời kỳ thực dân Anh thống trị Ấn Độ là một loại hình chế độ cổ phần. Nước Mỹ hồi cuối thế kỷ XIX, khi cần tập trung một nguồn vốn lớn để xây dựng đường sắt, cũng đã tổ chức xí nghiệp theo chế độ cổ phần.

Áp dụng chế độ cổ phần bằng cách cổ phần hóa doanh nghiệp, sẽ liên kết được những nguồn vốn và tư liệu sản xuất phân tán của các sở hữu tư nhân lại với nhau, làm cho nó trở thành nguồn vốn xã hội, thúc đẩy nhanh việc xã hội hóa nguồn vốn và tư liệu sản xuất. Đây là điều được rút ra từ thực tiễn xã hội hóa sản xuất tư bản chủ nghĩa ở thế kỷ XIX, mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đặc biệt quan tâm nghiên cứu.

C. Mác cho rằng, chế độ cổ phần là đòn bẩy mạnh mẽ để phát triển sức sản xuất của xã hội hiện đại. Ph. Ăng-ghen cũng chỉ rõ,

sản xuất tư bản chủ nghĩa do công ty cổ phần kinh doanh đã không còn là sản xuất tư nhân, quá trình chuyển đổi vốn tư nhân thành vốn xã hội đã thúc đẩy mạnh mẽ việc xã hội hóa sản xuất và phát triển sức sản xuất.

Lô-gíc nhận thức ở đây, nhìn từ góc độ kinh tế và phát triển kinh tế cho thấy: đã thừa nhận kinh tế thị trường thì một cách tất yếu tự nhiên cần phải thừa nhận chế độ cổ phần và cổ phần hóa. Với chế độ sở hữu tư nhân (tư hữu) tư bản chủ nghĩa, chế độ cổ phần phục vụ cho việc tăng nguồn vốn cho sản xuất - kinh doanh tư bản chủ nghĩa, chủ yếu đem lại lợi ích cho nhà tư bản. Với chế độ sở hữu xã hội (công hữu), cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước phục vụ cho việc tăng nguồn lực cho sản xuất - kinh doanh, vì lợi ích của người lao động.

Trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, công nhân và người lao động tham gia mua cổ phiếu, có cổ phần và có vị thế làm chủ của những người cổ đông. Họ trở thành đồng sở hữu cùng với doanh nghiệp và Nhà nước. Đó là sự hiện diện của sở hữu cá nhân, hợp thành cơ sở để hình thành sở hữu xã hội. Đây thực sự là sở hữu vốn và tư liệu sản xuất, tạo cho công nhân và lao động địa vị kinh tế để thực sự làm chủ doanh nghiệp.

Cần khắc phục trong nhận thức là, chỉ thấy sở hữu cá nhân về tư liệu sinh hoạt, trong khi không ý thức được hoặc phủ nhận sở hữu cá nhân về tư liệu sản xuất, mà đây mới là bản chất của vấn đề làm chủ kinh tế của người lao động. Không có sự tham gia của sở hữu cá nhân thì sở hữu xã hội không có nội dung hiện thực, trừu tượng, phi lịch sử. Cá nhân người lao động không có sở hữu của mình, thì hành vi lao động của anh ta thiếu vắng căn bản động lực kích thích và trên thực tế anh ta chỉ có thể làm chủ một cách hình thức, danh nghĩa mà thôi.

Trước đây do bệnh giáo điều, chúng ta đã đồng nhất sở hữu tư nhân với sở hữu cá nhân, đó là chưa kể đến sự giản lược, đồng nhất mọi hình thức tư nhân (tư nhân tư hữu, chiếm hữu bằng bóc lột, phi lao động của tư sản là hoàn toàn khác với tư nhân của người lao động cá thể). Vượt qua được những hạn chế và định kiến này, tôn trọng *lợi ích cá nhân*, tôn trọng *sở hữu cá nhân* của người lao động, chúng ta sẽ thấy cổ phần hóa là *giải pháp thực hiện hình thức sở hữu hỗn hợp* giữa sở hữu tư nhân (bao gồm cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân) với sở hữu tập thể và sở hữu Nhà nước. *Sức mạnh sở hữu toàn dân là hợp thành từ nhiều đồng sở hữu mà Nhà nước (doanh nghiệp nhà nước) có vị trí chi phối chủ đạo.*

Kinh nghiệm của Trung Quốc qua hơn 28 năm cải cách cho thấy, cải cách chế độ cổ phần được coi là một đột phá lý luận kinh tế để xây dựng lý luận kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trung Quốc đạt được những bước tiến đáng kể trong lĩnh vực này, từ năm 1997 đến 2001, xí nghiệp chế độ cổ phần (cổ phần hóa) tăng từ 7.200 lên tới gần 300.000, số lao động từ 6,437 triệu người lên 27,466 triệu người, doanh thu từ 813,1 tỉ nhân dân tệ (NDT) lên 5.673,3 tỉ NDT. Thực tế đó có sức thuyết phục, đem lại nhận thức đúng đắn về vai trò của chế độ cổ phần, của cổ phần hóa trong xây dựng kinh tế quốc hữu.

Trong điều kiện của nước ta, khi chuyển từ mô hình kinh tế có tỷ lệ doanh nghiệp nhà nước *rất cao* nhưng hiệu quả kinh tế - xã hội lại *rất thấp*, sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cổ phần hóa bộ phận lớn doanh nghiệp nhà nước là *một bước đi tất yếu*, không chỉ vì mục tiêu thoát khỏi tình trạng năng suất thấp, mà còn vì sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Sự đóng góp

của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước vào sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội là ở chỗ, nó làm tăng vốn, tăng lợi nhuận, giảm nợ xấu, chia sẻ rủi ro cho các chủ sở hữu riêng lẻ, tạo động lực làm chủ cho người lao động, tạo sức mạnh kinh tế để giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường... Sau hàng chục năm thực hiện, tuy rằng tiến độ còn rất chậm, song nguyên nhân không phải vì tính không hiệu quả của doanh nghiệp cổ phần mà là do nhiều nguyên nhân khác. Cổ phần hóa doanh nghiệp của Việt Nam không phải là "sự rút lui toàn diện của doanh nghiệp nhà nước" hay là tư nhân hóa, như một số người lo lắng.

Tính đến ngày 27-10-2005, cả nước đã cổ phần hóa được 1.960 doanh nghiệp nhà nước, hầu hết đều hoạt động có hiệu quả, vốn điều lệ và doanh thu tăng, thu nhập của người lao động được cải thiện rõ rệt. Riêng 10 tháng của năm 2005, đã cổ phần hóa được 400 doanh nghiệp nhà nước. Tại Hà Nội, bình quân của 86 doanh nghiệp đã cổ phần hóa tăng doanh thu tới 1,5 lần⁽³⁾. Vốn nhà nước được bảo toàn và tiếp tục tăng. Doanh nghiệp "tự thân vận động" tốt hơn khi còn được bảo lãnh vay vốn của Nhà nước, xóa bỏ được tình trạng giãn nợ và khoanh nợ cho Nhà nước, tiến dần tới sự liên doanh giữa ngân hàng và doanh nghiệp cùng có lợi và cùng chia sẻ rủi ro như thông lệ của kinh tế thị trường. Điều đáng lưu ý là, có rất ít doanh nghiệp cổ phần kinh doanh có hiệu quả mà không hề có cổ đông là Nhà nước. Thực tế cho thấy những doanh nghiệp mà Nhà nước định bán hết 100% cổ phần, đều rất khó thực hiện cổ phần hóa. Đó là một vấn đề cần được quan tâm, tìm hiểu kỹ lưỡng.

(3) Nguồn: Báo Thanh niên, ngày 27-10-2005

Khi tham gia cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, các cá nhân sẽ vững tin hơn nhiều nếu thấy Nhà nước còn nắm giữ tỷ lệ cổ phiếu nhất định, không phải vì đó là di sản của thời bao cấp như một số người quan niệm, mà bởi vì *người ta chưa tin có cá nhân hay pháp nhân kinh tế nào có đủ độ tin cậy hơn Nhà nước*, cho dù Nhà nước của ta vẫn còn nhiều bất cập, yếu kém về mặt quản lý kinh tế. Chừng nào kinh tế nhà nước còn đủ sức để đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, thì chừng đó Nhà nước vẫn là nhân tố quan trọng nhất bảo đảm cho sự phát triển bền vững của các thành phần kinh tế khác. Nắm giữ một tỷ lệ cổ phiếu nhất định, Nhà nước có thể định hướng được doanh nghiệp sau cổ phần hóa tiếp tục phục vụ lợi ích của các cổ đông và bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động, trong điều kiện kinh doanh một cách thân thiện với môi trường. Hơn thế, với tư cách là một cổ đông quan trọng, Nhà nước bảo đảm thực thi các chính sách, luật pháp của mình hữu hiệu hơn tại chính doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa tạo ra khả năng phát triển nguồn vốn nhà nước bằng cách thu hút và tổ chức thêm nhiều nguồn vốn từ xã hội, mở rộng phạm vi chi phối của nguồn vốn nhà nước.

Cổ phần hóa còn tạo thuận tiện cho việc lưu động vốn nhà nước giữa các doanh nghiệp và ngành nghề khác nhau, thông qua thị trường vốn, làm tăng hiệu quả vốn trong sản xuất - kinh doanh. Đối với người lao động, cổ phần hóa tạo điều kiện cho họ trở thành cổ đông, tăng thêm lợi ích thông qua vốn đầu tư.

Vấn đề là ở chỗ, làm thế nào để việc thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước không gây ra những tiêu cực trong kiểm kê

tài sản, đánh giá, thẩm định tổng lượng vốn của doanh nghiệp, đánh giá toàn bộ tài sản doanh nghiệp, định mức cổ phiếu và thu hút được đông đảo công nhân tham gia cổ phần. Do đó, cần tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm tra, giám sát và phát huy được vai trò làm chủ của công nhân để ngăn chặn những tiêu cực có thể xảy ra. Bởi lẽ, giải pháp, chủ trương nào, ngoài tính đúng đắn, hợp lý của nó cũng có thể phát sinh những mặt trái phải phòng ngừa.

Sự bền vững trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, được bảo đảm bởi rất nhiều nhân tố chứ không phải chỉ có cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Như đã phân tích ở trên, cổ phần hóa là một trong những giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế nhà nước. Tính chất bền vững của một quốc gia, một nền kinh tế đang trên chặng đường vừa chuyển đổi mô hình, vừa thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xét cho cùng lại tùy thuộc rất nhiều vào sự bền tâm, vững chí của đại đa số nhân dân. Đến lượt nó, sự bền tâm, vững chí đó lại được xây dựng trên nền tảng của lợi ích trước mắt và lâu dài của người lao động và của cộng đồng xã hội. Bảo đảm lợi ích thiết thân cho người lao động và giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa các chủ thể lợi ích trong cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, đó là thực hiện dân chủ hóa kinh tế. Theo ý nghĩa này, đối với đại đa số người lao động ở nước ta, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước (nơi họ đang làm việc, hoặc được hưởng lợi từ các dịch vụ và hàng hóa làm ra) có tầm vóc của một giải pháp mang tính *đột phá* trong quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước vì sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tạo động lực để thực hiện có hiệu quả mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □